

MỤC LỤC

	Trang
Báo cáo của Giám Đốc	1 - 3
Báo cáo kiểm toán	4
Báo cáo tài chính đã được kiểm toán	
Bảng cân đối kế toán ngày 31 tháng 12 năm 2009	5 - 8
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2009	9
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2009	10 - 11
Thuyết minh báo cáo tài chính	12 - 26

CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC ĐỒNG NAI

BÁO CÁO CỦA GIÁM ĐỐC

Công ty Cổ phần Dược Đồng Nai (dưới đây gọi tắt là Công ty) hân hạnh đệ trình báo cáo này cùng với các báo cáo tài chính đã được kiểm toán của Công ty cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2009.

1. Các thông tin chung

Công ty Cổ phần Dược Đồng Nai là công ty cổ phần được thành lập theo:

- Quyết định số 3107/QĐ-UBND ngày 6 tháng 9 năm 2005 của Chủ tịch UBND Tỉnh Đồng Nai phê duyệt phương án và chuyển doanh nghiệp Nhà nước thành công ty cổ phần.
- Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 4703000293 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Tỉnh Đồng Nai cấp ngày 23 tháng 12 năm 2005 và các Giấy chứng nhận thay đổi sau đó với lần thay đổi gần đây nhất là vào ngày 24 tháng 04 năm 2009.

Trụ sở và nhà máy được đặt tại 221B Phạm Văn Thuận, Phường Tân Tiến, Thành phố Biên Hòa, Tỉnh Đồng Nai.

Vốn điều lệ theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh là 19.854.470000 đồng.

Theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh, ngành nghề kinh doanh chính của Công ty là:

- Sản xuất, mua bán và xuất nhập khẩu trực tiếp dược phẩm, mỹ phẩm, thuốc thực phẩm, nguyên phụ liệu, vật tư và thiết bị ngành y tế, sinh phẩm y tế.
- Bán buôn, bán lẻ dược phẩm, các sản phẩm mỹ phẩm, thuốc thực phẩm, vật tư thiết bị ngành y tế, nguyên liệu và bao bì phục vụ cho ngành kinh doanh thuốc.
- Đầu tư kinh doanh nuôi trồng và chế biến các loại cây con làm thuốc.
- Cho thuê văn phòng.

(Phần tiếp theo trang 2)

CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC ĐỒNG NAI

BÁO CÁO CỦA GIÁM ĐỐC

2. Thành viên của Hội đồng quản trị và Ban Giám đốc

Danh sách các thành viên Hội đồng quản trị trong năm 2009 và vào ngày lập báo cáo này bao gồm:

<i>Họ tên</i>	<i>Chức danh</i>
Ông Nguyễn Văn Phước	Chủ tịch
Ông Nguyễn Văn Khoa	Thành viên
Bà Nguyễn Thị Thanh Trúc	Thành viên
Ông Trần Trung Thu	Thành viên
Bà Đỗ Thị Nga	Thành viên

Danh sách các thành viên Ban Giám đốc trong năm 2009 và vào ngày lập báo cáo này bao gồm:

<i>Họ tên</i>	<i>Chức danh</i>
Ông Nguyễn Văn Phước	Giám đốc
Bà Đỗ Thị Nga	Phó Giám đốc
Bà Nguyễn Thị Thanh Trúc	Phó Giám đốc

3. Tình hình kinh doanh năm 2009

Các số liệu về tình hình kinh doanh trong năm 2009 được trình bày trên báo cáo tài chính đính kèm đã được kiểm toán bởi Công ty Kiểm toán DTL.

4. Cam kết của Giám Đốc

Giám Đốc Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo rằng sổ sách kế toán được lưu giữ một cách phù hợp để phản ánh với mức độ chính xác, hợp lý tình hình tài chính của Công ty ở bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng báo cáo tài chính tuân thủ hệ thống và Chuẩn mực kế toán Việt ã am.

Giám Đốc Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn tài sản của Công ty và do đó thực hiện những biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và vi phạm khác.

Vào ngày lập báo cáo này, không có bất cứ trường hợp nào có thể làm sai lệch các giá trị về tài sản lưu động được nêu trong báo cáo tài chính, và không có bất kỳ một khoản bảo đảm nợ bằng tài sản nào hay khoản nợ bất ngờ nào phát sinh đối với tài sản của Công ty từ khi kết thúc năm tài chính mà không được trình bày trong báo cáo tài chính và sổ sách, chứng từ kế toán của Công ty.

CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC ĐỒNG NAI

BÁO CÁO CỦA GIÁM ĐỐC

Vào ngày lập báo cáo này, không có bất kỳ tình huống nào có thể làm sai lệch các số liệu được phản ánh trên các báo cáo tài chính của Công ty, và có đủ những chứng cứ hợp lý để tin rằng Công ty có khả năng chi trả các khoản nợ khi đáo hạn.

5. Kiểm toán viên

Công ty Kiểm toán DTL được chỉ định thực hiện công tác kiểm toán báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2009 cho Công ty.

6. Ý kiến của Giám Đốc

Theo ý kiến của Giám Đốc Công ty, bảng cân đối kế toán, báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, báo cáo lưu chuyển tiền tệ và thuyết minh báo cáo tài chính đính kèm đã được soạn thảo thể hiện trung thực và hợp lý về tình hình tài chính vào ngày 31 tháng 12 năm 2009, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc vào ngày nêu trên của Công ty phù hợp với Chuẩn mực và Chế độ kế toán Việt Nam.

Thành phố Biên Hòa, ngày 24 tháng 3 năm 2010

GIÁM ĐỐC

NGUYỄN VĂN PHƯỚC

Số: 10.244/BCKT

BÁO CÁO KIỂM TOÁN

Kính gửi: Các thành viên Hội đồng quản trị
Các thành viên Ban Giám đốc
CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC ĐỒNG NAI

Chúng tôi đã kiểm toán bảng cân đối kế toán vào ngày 31 tháng 12 năm 2009, báo cáo kết quả kinh doanh, báo cáo lưu chuyển tiền tệ và thuyết minh đính kèm cho năm tài chính kết thúc vào cùng ngày nêu trên của Công ty Cổ phần Dược Đồng Nai (dưới đây gọi tắt là Công ty). Giám Đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày các báo cáo tài chính này. Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra các ý kiến nhận xét về tính trung thực và hợp lý của các báo cáo này căn cứ kết quả kiểm toán của chúng tôi.

Cơ sở ý kiến

Chúng tôi đã tiến hành cuộc kiểm toán theo những Chuẩn mực kiểm toán Việt ả am. ả hững chuẩn mực này đòi hỏi chúng tôi phải hoạch định và thực hiện cuộc kiểm toán để có cơ sở kết luận là các báo cáo tài chính có tránh khỏi sai sót trọng yếu hay không. Trên cơ sở thử nghiệm, chúng tôi đã khảo sát một số bằng chứng làm căn cứ cho các số liệu chi tiết trong báo cáo tài chính. Cuộc kiểm toán cũng bao gồm việc xem xét các nguyên tắc kế toán, các khoản ước tính kế toán quan trọng do Công ty thực hiện, cũng như đánh giá tổng quát việc trình bày các báo cáo tài chính. Chúng tôi tin rằng cuộc kiểm toán đã cung cấp những căn cứ hợp lý cho ý kiến nhận xét của chúng tôi.

Ý kiến của kiểm toán viên

Theo ý kiến chúng tôi, báo cáo tài chính đính kèm đã phản ánh trung thực và hợp lý trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Dược Đồng Nai vào ngày 31 tháng 12 năm 2009 cũng như kết quả kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ của năm tài chính kết thúc vào cùng ngày nêu trên phù hợp với Chuẩn mực và chế độ kế toán Việt ả am.

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 24 tháng 3 năm 2010

**KT. TỔNG GIÁM ĐỐC
PHÓ TỔNG GIÁM ĐỐC**

KIỂM TOÁN VIÊN

LỤC THỊ VÂN
Chứng chỉ KTV số 0172/KTV

NGUYỄN CHÁNH THÀNH
Chứng chỉ KTV số 0544/KTV

CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC ĐỒNG NAI
BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Ngày 31 tháng 12 năm 2009

Đơn vị tính là Đồng Việt Nam ngoại trừ có ghi chú khác

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
A. TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		52.315.351.920	52.615.372.515
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	5.1	3.327.514.594	1.394.260.907
1. Tiền	111		3.327.514.594	1.394.260.907
2. Các khoản tương đương tiền	112			
II. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	120			
1. Đầu tư ngắn hạn	121			
2. Dự phòng giảm giá chứng khoán đầu tư ngắn hạn	129			
III. Các khoản phải thu	130	5.2	30.718.300.507	36.257.614.105
1. Phải thu khách hàng	131		30.285.751.375	36.205.060.770
2. Trả trước cho người bán	132		385.768.560	50.409.832
3. Phải thu nội bộ ngắn hạn	133		2.526.865	
4. Phải thu theo tiến độ kế hoạch HĐXD	134			
5. Các khoản phải thu khác	135		44.253.707	2.143.503
6. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	139			
IV. Hàng tồn kho	140		17.792.372.496	14.756.541.524
1. Hàng tồn kho	141	5.3	17.792.372.496	14.756.541.524
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149			
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		477.164.323	206.955.979
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151		87.507.842	39.761.387
2. Thuế GTGT được khấu trừ	152	5.4	187.514.050	17.838.342
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	154	5.5	142.944.931	115.356.250
4. Tài sản ngắn hạn khác	158		59.197.500	34.000.000

(Phần tiếp theo trang 6)

CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC ĐỒNG NAI
BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Ngày 31 tháng 12 năm 2009

Đơn vị tính là Đồng Việt Nam ngoại trừ có ghi chú khác

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
B. TÀI SẢN DÀI HẠN	200		25.429.290.078	26.412.368.292
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		1.184.043.781	1.425.153.781
1. Phải thu dài hạn của khách hàng	211			
2. Vốn kinh doanh ở đơn vị trực thuộc	212			
3. Phải thu dài hạn nội bộ	213			
4. Phải thu dài hạn khác	218	5.5	1.184.043.781	1.425.153.781
5. Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi	219			
II. Tài sản cố định	220		23.679.911.915	24.535.354.519
1. Tài sản cố định hữu hình	221	5.6	23.591.959.531	24.447.026.486
+ Nguyên giá	222		36.223.522.591	35.431.882.536
+ Giá trị hao mòn lũy kế	223		(12.631.563.060)	(10.984.856.050)
2. Tài sản cố định thuê tài chính	224			
+ Nguyên giá	225			
+ Giá trị hao mòn lũy kế	226			
3. Tài sản cố định vô hình	227	5.7	17.952.384	21.666.669
+ Nguyên giá	228		29.714.285	29.714.285
+ Giá trị hao mòn lũy kế	229		(11.761.901)	(8.047.616)
4. Giá trị xây dựng cơ bản dở dang	230		70.000.000	66.661.364
III. Bất động sản đầu tư	240			
+ Nguyên giá	241			
+ Giá trị hao mòn lũy kế	242			
IV. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	250		11.400.000	11.400.000
1. Đầu tư vào công ty con	251			
2. Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh	252			
3. Đầu tư dài hạn khác	258		11.400.000	11.400.000
4. Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn	259			
V. Đầu tư dài hạn khác	260		553.934.382	440.459.992
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	5.8	553.934.382	440.459.992
2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262			
3. Tài sản dài hạn khác	268			
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	270		77.744.641.998	79.027.740.807

CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC ĐỒNG NAI
BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Ngày 31 tháng 12 năm 2009

Đơn vị tính là Đồng Việt Nam ngoại trừ có ghi chú khác

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
A. NỢ PHẢI TRẢ	300		55.452.147.694	57.330.689.667
I. Nợ ngắn hạn	310		48.263.505.559	48.841.030.239
1. Vay và nợ ngắn hạn	311	5.9	11.643.161.791	4.680.000.000
2. Phải trả người bán	312	5.10	34.350.685.810	39.708.169.846
3. Người mua trả tiền trước	313	5.10	1.099.352.045	492.753.136
4. Thuế và các khoản phải nộp Nhà Nước	314	5.11	308.483.118	557.894.762
5. Phải trả người lao động	315	5.12	701.780.139	582.841.670
6. Chi phí phải trả	316			24.750.000
7. Phải trả nội bộ	317			
8. Phải trả theo tiến độ kế hoạch HĐXC	318			
9. Các khoản phải trả, phải nộp khác	319	5.13	160.042.656	2.794.620.825
10. Dự phòng phải trả ngắn hạn	320			
II. Nợ dài hạn	330		7.188.642.135	8.489.659.428
1. Phải trả dài hạn người bán	331			
2. Phải trả dài hạn nội bộ	332			
3. Phải trả dài hạn khác	333	5.14	1.102.200.000	1.090.700.000
4. Vay và nợ dài hạn	334	5.15	5.916.990.282	7.259.990.282
5. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	335			
6. Dự phòng trợ cấp mất việc làm	336		169.451.853	138.969.146
7. Dự phòng phải trả dài hạn	337			
B. VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		22.292.494.304	21.697.051.140
I. Vốn chủ sở hữu	410		22.233.185.167	21.530.365.564
1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu	411	5.16.2	19.854.470.000	19.854.470.000
2. Thặng dư vốn cổ phần	412			
3. Vốn khác của chủ sở hữu	413	5.16.1	1.221.161.581	1.161.827.115
4. Cổ phiếu quỹ	414			
5. Chênh lệch đánh giá lại tài sản	415			
6. Chênh lệch tỷ giá hối đoái	416			
7. Quỹ đầu tư phát triển	417	5.16.1	156.689.698	149.377.765
8. Quỹ dự phòng tài chính	418	5.16.1	156.689.697	149.377.765
9. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	419			
10. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	420	5.16.1	844.174.191	215.312.919
11. Nguồn vốn đầu tư XDCB	421			
II. Nguồn kinh phí và quỹ khác	430		59.309.137	166.685.576
1. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	431	5.16.1		107.376.439
2. Nguồn kinh phí	432		59.309.137	59.309.137
3. Nguồn kinh phí đã hình thành TSCĐ	433			
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440		77.744.641.998	79.027.740.807

CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC ĐỒNG NAI
BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Ngày 31 tháng 12 năm 2009

Đơn vị tính là Đồng Việt Nam ngoại trừ có ghi chú khác

CHỈ TIÊU NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
1. Tài sản thuê ngoài			
2. Vật tư, hàng hóa nhận giữ hộ, nhận gia công			
3. Hàng hóa nhận bán hộ, nhận ký gửi, ký cược			
4. Nợ khó đòi đã xử lý		2.212.757.742	2.212.757.742
5. Ngoại tệ các loại			
+ USD		5.662,30	964,58
+ EUR		316,35	316,11
6. Dự toán chi sự nghiệp, dự án			

Ngày 24 tháng 3 năm 2010

KẾ TOÁN TRƯỞNG

GIÁM ĐỐC

PHẠM MỸ LỆ

NGUYỄN VĂN PHƯỚC

CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC ĐỒNG NAI
BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2009

Đơn vị tính là Đồng Việt Nam ngoại trừ có ghi chú khác

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	6.1	95.355.689.309	87.239.819.519
2. Các khoản giảm trừ	02	6.1	443.049.698	487.343.405
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	10	6.1	94.912.639.611	86.752.476.114
4. Giá vốn hàng bán	11	6.2	84.222.787.091	77.862.535.847
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		10.689.852.520	8.889.940.267
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21		40.971.081	75.402.603
7. Chi phí tài chính	22	6.3	1.863.024.543	1.857.447.445
<i>trong đó, chi phí lãi vay</i>	23		1.078.969.455	<i>1.667.558.562</i>
8. Chi phí bán hàng	24	6.4	5.377.841.908	4.609.514.490
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	25	6.5	2.611.209.962	2.318.857.148
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		878.747.188	179.523.787
11. Thu nhập khác	31		11.919.769	43.655.423
12. Chi phí khác	32		19.000.000	
13. Lợi nhuận khác	40		(7.080.231)	43.655.423
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		871.666.957	223.179.210
15. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	6.6	27.492.766	17.606.097
16. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52			
17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		844.174.191	205.573.113
18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	5.15(d)	425	104

KẾ TOÁN TRƯỞNG

PHẠM MỸ LỆ

Ngày 24 tháng 3 năm 2010

GIÁM ĐỐC

NGUYỄN VĂN PHƯỚC

CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC ĐỒNG NAI
BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ (theo phương pháp trực tiếp)

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2009

Đơn vị tính là Đồng Việt Nam ngoại trừ có ghi chú khác

Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG SXKD				
1. Tiền thu bán hàng, cung cấp dịch vụ và doanh thu khác	01		166.200.634.876	130.129.317.031
2. Tiền chi trả cho người cung cấp hàng hóa dịch vụ	02		(150.983.101.850)	(112.805.884.788)
3. Tiền chi trả cho người lao động	03		(5.752.663.470)	(4.931.115.937)
4. Tiền chi trả lãi vay	04		(1.078.969.455)	(1.723.528.323)
5. Tiền chi nộp thuế thu nhập doanh nghiệp	05		(55.081.447)	(132.962.347)
6. Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	06		3.854.195.019	3.517.076.295
7. Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	07		(12.257.100.680)	(10.545.957.398)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động SX - KD	20		(72.087.007)	3.506.944.533
II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ				
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các loại tài sản dài hạn khác	21		(1.191.011.097)	(2.942.115.661)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các loại tài sản dài hạn khác	22			
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23			
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24			
5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25			
6. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26			
7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27			
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động Đầu tư	30		(1.191.011.097)	(2.942.115.661)

CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC ĐỒNG NAI
BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ (theo phương pháp trực tiếp)

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2009

Đơn vị tính là Đồng Việt Nam ngoại trừ có ghi chú khác

Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH				
1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu	31			
2. Tiền chi trả vốn góp cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp đã phát hành	32			
3. Tiền vay ngắn hạn và dài hạn đã nhận được	33		19.019.161.791	9.419.880.879
4. Tiền chi trả nợ gốc vay	34			(12.655.880.879)
5. Tiền chi trả nợ thuê tài chính	35			
6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36			(762.246.500)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động Tài chính	40		19.019.161.791	(3.998.246.500)
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ	50		17.756.063.687	(3.433.417.627)
Tiền và tương đương tiền đầu kỳ	60	5.1	1.394.260.907	4.827.678.534
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61			
Tiền và tương đương tiền cuối kỳ	70	5.1	19.150.324.594	1.394.260.907

KẾ TOÁN TRƯỞNG

Ngày 24 tháng 3 năm 2010

GIÁM ĐỐC

PHẠM MỸ LỆ

NGUYỄN VĂN PHƯỚC

CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC ĐỒNG NAI

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2009

Đơn vị tính là Đồng Việt Nam trừ các trường hợp được ghi chú khác

Bảng thuyết minh này là một bộ phận không thể tách rời và được đọc cùng với bản báo cáo tài chính đính kèm.

1. Đặc điểm hoạt động của doanh nghiệp

1.1 Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Dược Đồng Nai (dưới đây gọi tắt là Công ty) là công ty cổ phần được thành lập theo:

- Quyết định số 3107/QĐ-UBND ngày 6 tháng 9 năm 2005 của Chủ tịch UBND Tỉnh Đồng Nai phê duyệt phương án và chuyển doanh nghiệp Nhà nước thành công ty cổ phần.
- Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 4703000293 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Tỉnh Đồng Nai cấp ngày 23 tháng 12 năm 2005 và các Giấy chứng nhận thay đổi sau đó với lần thay đổi gần đây nhất là vào ngày 24 tháng 04 năm 2009.

Trụ sở và nhà máy được đặt tại 221B Phạm Văn Thuận, Phường Tân Tiến, Thành phố Biên Hòa, Tỉnh Đồng Nai.

Vốn điều lệ theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh là 19.854.470.000 đồng.

1.2 Ngành nghề kinh doanh

Theo giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh, ngành nghề kinh doanh chính của Công ty là:

- Sản xuất, mua bán và xuất nhập khẩu trực tiếp dược phẩm, mỹ phẩm, thuốc thực phẩm, nguyên phụ liệu, vật tư và thiết bị ngành y tế, sinh phẩm y tế.
- Bán buôn, bán lẻ dược phẩm, các sản phẩm mỹ phẩm, thuốc thực phẩm, vật tư thiết bị ngành y tế, nguyên liệu và bao bì phục vụ cho ngành kinh doanh thuốc .
- Đầu tư kinh doanh nuôi trồng và chế biến các loại cây con làm thuốc.
- Cho thuê văn phòng.

2. Năm tài chính, đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

2.1. Năm tài chính

Năm tài chính của Công ty từ ngày 1 tháng 1 đến ngày 31 tháng 12.

2.2. Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong ghi chép kế toán là Đồng Việt Nam.

CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC ĐỒNG NAI

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2009

Đơn vị tính là Đồng Việt Nam trừ các trường hợp được ghi chú khác

3. Chuẩn mực và chế độ kế toán áp dụng

3.1. Chế độ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng Chuẩn mực và Chế độ kế toán Việt Nam.

3.2. Hình thức kế toán áp dụng

Công ty áp dụng hình thức kế toán là nhật ký chứng từ.

3.3. Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán Việt Nam

Công ty tuân thủ Chuẩn mực và Chế độ kế toán Việt Nam để soạn thảo và trình bày các báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2009.

4. Các chính sách kế toán áp dụng

4.1. Nguyên tắc ghi nhận tiền và các khoản tương đương tiền

- Nguyên tắc xác định các khoản tiền và tương đương tiền

Tiền bao gồm tiền tại quỹ, tiền đang chuyển và các khoản ký gửi không kỳ hạn. Tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn không quá 3 tháng, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành một lượng tiền xác định và không có nhiều rủi ro trong chuyển đổi thành tiền.

- Nguyên tắc chuyển đổi các đồng tiền khác ra đồng tiền sử dụng trong kế toán

Các nghiệp vụ phát sinh bằng ngoại tệ được hạch toán theo tỷ giá hối đoái vào ngày phát sinh nghiệp vụ. Các khoản mục tiền và công nợ có gốc ngoại tệ được chuyển đổi sang đồng tiền hạch toán theo tỷ giá hối đoái vào ngày lập bảng cân đối kế toán. Tất cả các khoản chênh lệch tỷ giá phát sinh trong quá trình thanh toán hoặc chuyển đổi vào cuối niên độ được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trong kỳ.

4.2. Chính sách kế toán đối với hàng tồn kho

- Nguyên tắc đánh giá hàng tồn kho

Hàng tồn kho được hạch toán theo giá gốc. Trường hợp giá trị thuần có thể thực hiện được thấp hơn giá gốc thì hạch toán theo giá trị thuần có thể thực hiện được.

Giá gốc hàng tồn kho bao gồm: chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.

Chi phí mua của hàng tồn kho bao gồm giá mua, các loại thuế không được hoàn lại, chi phí vận chuyển, bốc xếp, bảo quản trong quá trình mua hàng và các chi phí khác có liên quan trực tiếp đến việc mua hàng tồn kho. Các khoản chiết khấu thương mại và giảm giá hàng mua do hàng mua không đúng quy cách, phẩm chất được trừ (-) khỏi chi phí mua.

CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC ĐỒNG NAI

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2009

Đơn vị tính là Đồng Việt Nam trừ các trường hợp được ghi chú khác

- Phương pháp xác định giá trị hàng tồn kho cuối năm tài chính

Giá trị hàng tồn kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền hằng quý.

Giá trị hàng tồn kho tại các hiệu thuốc được tính theo tỷ lệ 92% trên giá bán.

Giá trị hàng tồn kho tại các quầy được tính theo tỷ lệ 87% trên giá bán.

Giá thành đơn vị sản phẩm nhập kho là giá thành kế hoạch do phòng kinh doanh xây dựng.

- Phương pháp hạch toán hàng tồn kho

Hàng tồn kho được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

4.3. Nguyên tắc ghi nhận các khoản phải thu thương mại và phải thu khác

Các khoản phải thu thương mại và phải thu khác thể hiện giá trị có thể thực hiện được theo dự kiến.

4.4. Nguyên tắc ghi nhận và khấu hao tài sản cố định

- Nguyên tắc ghi nhận tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định hữu hình được xác định giá trị ban đầu theo nguyên giá. Nguyên giá là toàn bộ các chi phí mà doanh nghiệp bỏ ra để có được tài sản cố định hữu hình tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sử dụng.

- Nguyên tắc ghi nhận tài sản cố định vô hình

Tài sản cố định vô hình được xác định giá trị ban đầu theo nguyên giá. Nguyên giá là toàn bộ các chi phí mà doanh nghiệp bỏ ra để có được tài sản cố định vô hình tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sử dụng theo dự tính.

- Phương pháp khấu hao

Nguyên giá tài sản cố định được khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian hữu dụng dự tính của tài sản.

Thời gian khấu hao ước tính cho một số nhóm tài sản như sau:

	<i>Năm 2009</i>
+ Nhà cửa, vật kiến trúc	24 – 50 năm
+ Máy móc thiết bị	5 – 25 năm
+ Phương tiện vận tải, truyền dẫn	6 năm
+ Thiết bị văn phòng	5 – 6 năm
+ Phần mềm chuyên dụng phục vụ nhà máy GMP	8 năm

CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC ĐỒNG NAI

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2009

Đơn vị tính là Đồng Việt Nam trừ các trường hợp được ghi chú khác

4.5. Ghi nhận chi phí phải trả và dự phòng phải trả

- Chi phí phải trả được ghi nhận căn cứ vào các thông tin có được vào thời điểm cuối năm và các ước tính dựa vào thống kê kinh nghiệm.
- Theo Luật Bảo hiểm Xã hội, Công ty và các nhân viên phải đóng góp vào quỹ Bảo hiểm thất nghiệp do Bảo hiểm Xã hội Việt Nam quản lý. Mức đóng bởi mỗi bên được tính bằng 1% của mức thấp hơn giữa lương cơ bản của nhân viên hoặc 20 lần mức lương tối thiểu chung được Chính phủ quy định trong từng thời kỳ.

4.6. Nguồn vốn chủ sở hữu

- Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu.
- Ghi nhận và trình bày cổ phiếu ngân quỹ
Cổ phiếu ngân quỹ được ghi nhận theo giá mua và được trình bày như một khoản giảm vốn chủ sở hữu trên bảng cân đối kế toán.
- Ghi nhận cổ tức
Cổ tức được ghi nhận là một khoản phải trả vào ngày công bố cổ tức.
- Nguyên tắc trích lập các quỹ dự trữ từ lợi nhuận sau thuế
Các quỹ dự trữ được trích lập theo quy định tại Điều lệ Công ty.

4.7. Nguyên tắc ghi nhận doanh thu

- Doanh thu bán hàng được xác định theo giá trị hợp lý của các khoản đã thu hoặc sẽ thu được. Trong hầu hết các trường hợp, doanh thu được ghi nhận khi chuyển giao cho người mua phần lớn rủi ro và lợi ích kinh tế gắn liền với quyền sở hữu hàng hoá.
- Doanh thu về cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp giao dịch về cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ theo kết quả phân công việc hoàn thành vào ngày lập bảng cân đối kế toán của kỳ đó.

4.8. Thuế

- Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp (TNDN) hiện hành, chi phí thuế TNDN hoãn lại: Chi phí thuế TNDN hiện hành được xác định trên cơ sở thu nhập chịu thuế và thuế suất thuế TNDN trong năm hiện hành. Thuế suất thu nhập doanh nghiệp là 25%.

Đối với hoạt động sản xuất kinh doanh bình thường, Công ty được miễn 2 năm kể từ khi có thu nhập chịu thuế và giảm 50% số thuế phải nộp trong 3 năm tiếp theo.

Đối với hoạt động đầu tư dự án mới, Công ty được miễn 1 năm kể từ khi có thu nhập chịu thuế từ hoạt động đầu tư và giảm 50% số thuế phải nộp trong 4 năm tiếp theo.

CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC ĐỒNG NAI

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2009

Đơn vị tính là Đồng Việt Nam trừ các trường hợp được ghi chú khác

- Theo Thông tư số 03/2009/TT-BTC ngày 13/1/2009 của Bộ Tài Chính, Công ty thuộc đối tượng được giảm 30% số thuế TNDN phải nộp của năm 2009.
- Các báo cáo thuế của Công ty chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các quy định thuế đối với các nghiệp vụ khác nhau có thể được hiểu theo nhiều cách khác nhau, do vậy, các số liệu thuế thể hiện trên báo cáo tài chính có thể bị thay đổi theo quyết định cuối cùng của cơ quan thuế.

5. Thông tin bổ sung cho các khoản mục trình bày trên bảng cân đối kế toán

5.1. Tiền và các khoản tương đương tiền

	Cuối năm	Đầu năm
Tiền mặt	243.140.179	240.489.910
Tiền gửi ngân hàng	<u>3.084.374.415</u>	<u>1.153.770.997</u>
Tổng cộng	<u>3.327.514.594</u>	<u>1.394.260.907</u>

5.2. Các khoản phải thu ngắn hạn

	Cuối năm	Đầu năm
Phải thu khách hàng	30.285.751.375	36.205.060.770
+ <i>Nhập khẩu ủy thác</i>	<u>20.907.511.995</u>	<u>25.909.009.680</u>
+ <i>Khách hàng nội địa</i>	<u>9.378.239.380</u>	<u>10.296.051.090</u>
Trả trước cho người bán	385.768.560	50.409.832
Phải thu nội bộ ngắn hạn	2.526.865	-
Các khoản phải thu khác	<u>44.253.707</u>	<u>2.143.503</u>
Cộng các khoản phải thu ngắn hạn	<u>30.718.300.507</u>	<u>36.257.614.105</u>
Dự phòng phải thu khó đòi	<u>-</u>	<u>-</u>
Giá trị thuần của các khoản phải thu	<u>30.718.300.507</u>	<u>36.257.614.105</u>

Phải thu khách hàng là các khoản phải thu thương mại phát sinh trong điều kiện kinh doanh bình thường của Công ty.

CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC ĐỒNG NAI
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2009

Đơn vị tính là Đồng Việt Nam trừ các trường hợp được ghi chú khác

5.3. Hàng tồn kho

	Cuối năm	Đầu năm
Nguyên liệu, vật liệu	4.114.404.857	1.908.147.759
Bao bì	621.249.751	254.720.771
Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang	1.659.072.320	2.319.885.619
Thành phẩm	3.191.616.415	2.670.903.252
Hàng hóa	<u>8.206.029.153</u>	<u>7.602.884.123</u>
Cộng giá gốc hàng tồn kho	17.192.372.496	14.756.541.524
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	<u>-</u>	<u>-</u>
Giá trị thuần có thể thực hiện	<u>17.192.372.496</u>	<u>14.756.541.524</u>

- Toàn bộ giá trị hàng tồn kho đã được thế chấp cho các khoản vay ngắn hạn của Ngân hàng – xem mục 5.8.

5.4. Thuế phải thu nhà nước

<i>Chỉ tiêu</i>	<i>Số còn phải nộp đầu kỳ</i>	<i>Số phát sinh trong kỳ</i>		<i>Số còn phải nộp cuối kỳ</i>
		<i>Số phải nộp</i>	<i>Số đã nộp</i>	
Thuế GTGT hàng bán nội địa	(17.838.342)	(72.999.490) (*)	96.676.218	(187.514.050)
Thuế thu nhập doanh nghiệp	<u>(115.356.250)</u>	<u>27.492.766</u>	<u>55.081.447</u>	<u>(142.944.931)</u>
Tổng cộng	<u>(133.194.592)</u>	<u>45.506.724</u>	<u>151.757.665</u>	<u>(330.458.981)</u>

- (*) Số phải nộp trong kỳ đã bao gồm thuế GTGT đầu vào được khấu trừ với số tiền 197.976.289 đồng và thuế GTGT được hoàn trong kỳ là 124.976.799 đồng.

CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC ĐỒNG NAI

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2009

Đơn vị tính là Đồng Việt Nam trừ các trường hợp được ghi chú khác

5.5. Các khoản phải thu dài hạn

Là khoản phải thu phát sinh trước thời điểm cổ phần hóa doanh nghiệp.

Theo bản án số 57/2006/HSPT ngày 24/2/2006 của Tòa phúc thẩm Thành phố Hồ Chí Minh, Ông Hoàng Văn Hồng (Công ty TNHH Dược phẩm Hoàng Chương) phải bồi thường cho Công ty dược phẩm Đồng Nai (tiền thân của CTCP Dược Đồng Nai) số tiền là 95.846 USD và thuế nhập khẩu là 105 triệu đồng. Bên cạnh đó, Công ty dược phẩm Đồng Nai phải trả cho Công ty Interfarm số tiền là 88.664 USD.

Theo biên bản bàn giao vốn vào ngày 26/5/2006, nợ phải thu Công ty TNHH Dược phẩm Hoàng Chương và nợ phải trả Công ty Interfarm được loại khỏi giá trị doanh nghiệp.

Đến tháng 1/2007, Công ty đã nộp 1.425.153.781 đồng (tương đương 88.664 USD) tại cơ quan thi hành án dân sự Tỉnh Đồng Nai theo quyết định cưỡng chế thi hành án số 04/QĐCC-THA ngày 1/11/2006 của Thi hành án dân sự tỉnh Đồng Nai. Đến thời điểm 31/12/2009, số dư phải thu dài hạn khác là 1.184.043.781 đồng.

(Phần tiếp theo trang 19)

CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC ĐỒNG NAI
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2009

Đơn vị tính là Đồng Việt Nam trừ các trường hợp được ghi chú khác

5.6 Tài sản cố định hữu hình

	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc thiết bị	Phương tiện vận tải truyền dẫn	Thiết bị, dụng cụ quản lý	Tổng cộng
Nguyên giá					
Số dư đầu năm	12.785.681.755	21.725.231.377	719.688.100	201.281.304	35.431.882.536
Mua trong năm	-	120.000.000	316.510.000	41.454.781	477.964.781
Đầu tư xây dựng cơ bản hoàn thành	313.675.273	-	-	-	313.675.273
Số dư cuối năm	13.099.357.028	21.845.231.377	1.036.198.100	242.736.085	36.223.522.591
Giá trị hao mòn lũy kế					
Số dư đầu năm	3.165.153.380	7.190.203.573	489.828.600	139.670.497	10.984.856.050
Khấu hao trong năm	391.401.181	1.122.090.633	110.289.750	22.925.446	1.646.707.010
Thanh lý, nhượng bán	-	-	-	-	-
Số dư cuối năm	3.556.554.561	8.312.294.206	600.118.350	162.595.943	12.631.563.060
Giá trị còn lại					
Tại ngày đầu năm	9.620.528.375	14.535.027.804	229.859.500	61.610.807	24.447.026.486
Tại ngày cuối năm	9.542.802.467	13.532.937.171	436.079.750	80.140.142	23.591.959.531

Giá trị còn lại cuối năm của tài sản đã dùng thế chấp các khoản vay ngắn hạn tại mục 5.8 của thuyết minh này là 15.868.954.167 đồng.

Giá trị còn lại cuối năm của tài sản đã dùng thế chấp các khoản vay dài hạn tại mục 5.14 của thuyết minh này là 1.898.700.194 đồng.

Nguyên giá của tài sản đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng là 5.786.017.653 đồng.

CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC ĐỒNG NAI THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2009

Đơn vị tính là Đồng Việt Nam trừ các trường hợp được ghi chú khác

5.7. Tăng, giảm tài sản cố định vô hình

<i>Phần mềm chuyên dụng phục vụ nhà máy GMP</i>	Số đầu năm	Tăng	Giảm	Số cuối năm
Nguyên giá	29.714.285	-	-	29.714.285
Giá trị hao mòn lũy kế	<u>8.047.616</u>	3.714.285	-	<u>11.761.901</u>
Giá trị còn lại	<u>21.666.669</u>			<u>17.952.384</u>

5.8. Chi phí trả trước dài hạn

Là chi phí công cụ, dụng cụ đang chờ phân bổ trong 3 năm.

5.9. Vay ngắn hạn

	Cuối năm	Đầu năm
Vay ngắn hạn ngân hàng	9.999.161.791	2.520.000.000
Vay dài hạn đến hạn trả	<u>1.644.000.000</u>	<u>2.160.000.000</u>
Tổng cộng	<u>11.643.161.791</u>	<u>4.680.000.000</u>

Các khoản vay ngân hàng được thế chấp bằng toàn bộ giá trị hàng tồn kho và tài sản cố định hữu hình như đã trình bày ở mục 5.3 và mục 5.5 của thuyết minh này và chịu lãi suất từ 6,5%/năm đến 10%/năm đối với khoản vay VND.

5.10. Phải trả người bán và người mua trả tiền trước

	Cuối năm	Đầu năm
Phải trả người bán	34.350.685.810	39.708.169.846
+ <i>Nhập khẩu ủy thác</i>	<i>20.979.474.895</i>	<i>26.030.212.650</i>
+ <i>Phải trả nhà cung cấp nội địa</i>	<i>13.371.210.915</i>	<i>13.677.957.196</i>
Người mua trả tiền trước	<u>1.099.352.045</u>	<u>492.753.136</u>
Tổng cộng	<u>35.450.037.855</u>	<u>40.200.922.982</u>

Phải trả người bán là các khoản phải trả thương mại phát sinh trong điều kiện kinh doanh bình thường của Công ty.

CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC ĐỒNG NAI
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2009

Đơn vị tính là Đồng Việt Nam trừ các trường hợp được ghi chú khác

5.11. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước

<i>Chỉ tiêu</i>	<i>Số còn phải nộp đầu kỳ</i>	<i>Số phát sinh trong kỳ</i>		<i>Số còn phải nộp cuối kỳ</i>
		<i>Số phải nộp</i>	<i>Số đã nộp</i>	
Thuế GTGT hàng nhập khẩu	455.153.826	3.983.654.973	4.133.618.231	305.190.568
Thuế nhập khẩu	100.133.121	630.306.118	728.623.916	1.815.323
Thuế thu nhập cá nhân	2.607.815	3.775.718	4.906.306	1.477.227
Tổng cộng	557.894.762	4.617.736.809	4.867.148.453	308.483.118

5.12. Phải trả người lao động

Là khoản phải trả lương tháng 12 và thưởng năm 2009.

5.13. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác

	Cuối năm	Đầu năm
Phải trả lãi công ty mẹ	-	369.600.825
Tiền vay vốn của cổ đông	-	2.423.810.000
Các khoản phải trả, phải nộp khác	160.042.656	1.210.000
Tổng cộng	160.042.656	2.794.620.825

5.14. Phải trả dài hạn khác

Là khoản nhận ký quỹ của các hiệu thuốc.

5.15. Vay và nợ dài hạn

Là khoản vay Quỹ Đầu tư Tỉnh Đồng Nai được thế chấp bằng nhà máy dược phẩm GMP-WHO như đã trình bày ở mục 5.5 của thuyết minh này và chịu lãi suất 7%/năm đối với khoản vay VND, số dư nợ gốc đến ngày 31/12/2009 là 7.560.990.282 đồng, nợ dài hạn đến hạn trả là 1.644.000.000 đồng.

(Phân tiếp theo trang 22)

CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC ĐỒNG NAI

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2009

Đơn vị tính là Đồng Việt Nam trừ các trường hợp được ghi chú khác

5.16. Vốn chủ sở hữu

5.16.1 Biến động của Vốn chủ sở hữu

	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	Vốn khác thuộc chủ sở hữu	Quỹ đầu tư phát triển	Quỹ dự phòng tài chính	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Quỹ khen thưởng, phúc lợi	Tổng cộng
Số dư đầu năm trước	19.854.470.000	849.662.615	109.242.330	109.242.330	1.166.992.936	268.035.474	22.357.645.685
Tăng vốn trong năm trước	-	312.164.500	-	-	(312.164.500)	-	-
Lợi nhuận trong năm trước	-	-	-	-	205.573.113	-	205.573.113
Chia cổ tức	-	-	-	-	(724.682.325)	-	(724.682.325)
Trích lập quỹ	-	-	40.135.435	40.135.435	(120.406.305)	40.135.435	-
Sử dụng quỹ	-	-	-	-	-	(206.632.470)	(206.632.470)
Khác	-	-	-	-	-	5.838.000	5.838.000
Số dư đầu năm nay	19.854.470.000	1.161.827.115	149.377.765	149.377.765	215.312.919	107.376.439	21.637.742.003
Tăng vốn trong năm nay	-	59.334.466	-	-	(59.334.466)	-	-
Lợi nhuận trong năm nay	-	-	-	-	844.174.191	-	844.174.191
Thuế TNDN bổ sung	-	-	-	-	-	-	-
Chia cổ tức	-	-	-	-	(134.042.656)	-	(134.042.656)
Đánh giá lại tỷ giá cuối kỳ	-	-	-	-	-	-	-
Trích lập quỹ	-	-	7.311.933	7.311.932	(21.935.797)	7.311.932	-
Sử dụng quỹ	-	-	-	-	-	(131.685.200)	(131.685.200)
Khác	-	-	-	-	-	16.996.829	16.996.829
Số dư cuối năm nay	19.854.470.000	1.221.161.581	156.689.698	156.689.697	844.174.191	-	22.233.185.167

CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC ĐỒNG NAI
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2009

Đơn vị tính là Đồng Việt Nam trừ các trường hợp được ghi chú khác

5.16.2 Chi tiết vốn đầu tư của chủ sở hữu

	Cuối năm		Đầu năm	
	VND	Tỷ lệ (%)	VND	Tỷ lệ (%)
Vốn góp của Nhà nước	10.126.050.000	51,00	10.126.050.000	51,00
Vốn góp của Cán bộ công nhân viên	2.464.540.000	12,41	3.753.930.000	18,91
Vốn góp của các đối tượng khác	7.263.880.000	36,59	5.974.490.000	30,09
Tổng cộng	19.854.470.000	100,00	19.854.470.000	100,00

5.16.3 Cổ phần

	Cuối năm	Đầu năm
Số lượng cổ phần phổ thông đăng ký phát hành	1.985.447	1.985.447
Số lượng cổ phần phổ thông đã bán ra công chúng	1.985.447	1.985.447
Số lượng cổ phần đang lưu hành	1.985.447	1.985.447

- Mệnh giá cổ phần đang lưu hành là 10.000 đồng/cổ phần.

5.16.4 Lãi cơ bản trên cổ phiếu

	Năm nay	Năm trước
Lãi sau thuế của cổ đông của Công ty	844.174.191	205.573.113
Số cổ phần phổ thông lưu hành bình quân trong kỳ	1.985.447	1.985.447
Lãi cơ bản trên cổ phần (EPS)	425	104

(Phần tiếp theo trang 24)

CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC ĐỒNG NAI
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2009

Đơn vị tính là Đồng Việt Nam trừ các trường hợp được ghi chú khác

6. Thông tin bổ sung cho các khoản mục trình bày trong báo cáo kết quả kinh doanh

6.1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

	Năm nay	Năm trước
Doanh thu hàng chuyên doanh	65.686.606.927	69.107.263.267
Doanh thu hàng sản xuất	28.769.144.595	17.330.891.499
Phí nhập khẩu ủy thác	<u>899.937.787</u>	<u>801.664.753</u>
Tổng cộng	95.355.689.309	87.239.819.519
Các khoản giảm trừ	<u>(443.049.698)</u>	<u>(487.343.405)</u>
Doanh thu thuần	<u>94.912.639.611</u>	<u>86.752.476.114</u>

6.2. Giá vốn hàng bán

	Năm nay	Năm trước
Chi phí bán hàng chuyên doanh	58.165.522.874	62.946.893.989
Chi phí hàng sản xuất	<u>26.057.264.217</u>	<u>14.915.641.858</u>
Tổng cộng	<u>84.222.787.091</u>	<u>77.862.535.847</u>

6.3. Chi phí hoạt động tài chính

	Năm nay	Năm trước
Chi phí lãi vay ngân hàng	1.078.969.455	1.667.558.562
Lỗ chênh lệch tỷ giá	<u>784.236.548</u>	<u>189.888.883</u>
Tổng cộng	<u>1.863.206.003</u>	<u>1.857.447.445</u>

(Phần tiếp theo trang 25)

CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC ĐỒNG NAI

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2009

Đơn vị tính là Đồng Việt Nam trừ các trường hợp được ghi chú khác

6.4. Chi phí bán hàng

	Năm nay	Năm trước
Chi phí nhân viên	2.355.269.096	2.201.137.581
Chi phí công cụ dụng cụ	214.311.812	96.707.700
Chi phí khấu hao tài sản cố định	395.696.292	300.122.042
Chi phí hoa hồng, quảng cáo, khuyến mãi	670.154.065	713.234.444
Chi phí dịch vụ mua ngoài	1.240.532.540	971.892.442
Chi phí bằng tiền khác	<u>501.878.103</u>	<u>326.420.281</u>
Tổng cộng	<u>5.377.841.908</u>	<u>4.609.514.490</u>

6.5. Chi phí quản lý doanh nghiệp

	Năm nay	Năm trước
Chi phí nhân viên	928.253.732	798.340.493
Chi phí vật liệu, đồ dùng văn phòng	84.089.274	5.685.000
Chi phí khấu hao tài sản cố định	175.949.950	130.482.734
Chi phí dịch vụ mua ngoài	371.668.746	347.350.765
Chi phí bằng tiền khác	<u>1.051.248.260</u>	<u>1.036.998.156</u>
Tổng cộng	<u>2.611.209.962</u>	<u>2.318.857.148</u>

6.6. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành

	Năm nay	Năm trước
Chi phí thuế TNDN hiện hành tính trên thu nhập chịu thuế hiện hành	27.492.766	17.606.097
Điều chỉnh chi phí thuế thu nhập của các năm trước	<u>-</u>	<u>-</u>
Tổng cộng	<u>27.492.766</u>	<u>17.606.097</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC ĐỒNG NAI
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2009

Đơn vị tính là Đồng Việt Nam trừ các trường hợp được ghi chú khác

7. Thông tin về các bên có liên quan

Thù lao Hội đồng quản trị và Thu nhập của Ban Giám đốc

	Năm nay	Năm trước
Thù lao Hội đồng quản trị	50.000.000	50.000.000
Lương Giám đốc	<u>66.743.725</u>	<u>61.080.028</u>
Tổng cộng	<u>116.743.725</u>	<u>111.080.028</u>

8. Các sự kiện sau ngày kết thúc năm tài chính

Không có các sự kiện quan trọng xảy ra sau ngày kết thúc năm tài chính đến ngày phát hành báo cáo tài chính.

9. Phê duyệt phát hành báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2009 đã được Giám Đốc Công ty phê duyệt và phát hành vào ngày 23 tháng 3 năm 2010.

Thành phố Biên Hòa, ngày 23 tháng 3 năm 2010

KẾ TOÁN TRƯỞNG

GIÁM ĐỐC

PHẠM MỸ LỆ

NGUYỄN VĂN PHƯỚC